

Số: ~~1800~~/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày ~~01~~ tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án
đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa (giai đoạn 1).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3175/QĐ-UBND, ngày 26/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 1 công trình đường vành đai phía Tây, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 13155/UBND-CN ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đầu tư hệ thống điện chiếu sáng dự án đường vành đai phía Tây, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 4542/UBND-CN ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đường vành đai phía Tây, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 1783-CV/VPTU ngày 12/5/2017 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1644/TTr-SGTVT ngày 23/5/2017; báo cáo kết quả thẩm định số 1643/SGTVT-TĐKHKT ngày 23/5/2017 (kèm theo hồ sơ dự án),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa (giai đoạn 1) với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Khái quát về dự án

Dự án đầu tư xây dựng công trình đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa (giai đoạn 1) được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3175/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 với tổng mức đầu tư là 789.144 triệu đồng.

Trong đó:	- Chi phí xây dựng	:	460.114 triệu đồng;
	- Chi phí QLDA	:	4.852 triệu đồng;
	- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	21.453 triệu đồng;
	- Chi phí khác	:	4.515 triệu đồng;
	- Chi phí bồi thường GPMB	:	159.524 triệu đồng;
	- Chi phí dự phòng	:	138.686 triệu đồng.

Quy mô: Đầu tư xây dựng là đường phía Đông đoạn từ Km6-Km14+632 theo quy mô đường cấp III đồng bằng ($B_n=12m$, $B_m=11m$, mặt đường đến lớp BTN hạt trung); đầu tư xây dựng 01 đơn nguyên phía Đông các cầu: Kênh Ê - Trường Tuế, cầu vượt đường sắt Bắc - Nam, cầu qua sông nhà Lê; đối với nút giao QL1A (Km14+632) bố trí nút giao bằng; vượt nổi các đường ngang dân sinh.

Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Đến nay, giai đoạn 1 của dự án đã cơ bản hoàn thành đoạn từ Km6 - Km13+850; riêng đoạn từ Km13+850 - Km14+632 đang triển khai thi công, dự kiến hoàn thành trước ngày 31/8/2017.

II. Lý do điều chỉnh

Để đảm bảo an toàn giao thông, tăng mỹ quan đô thị và nâng cao hiệu quả khai thác của tuyến đường, Chủ tịch UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương bổ sung hệ thống điện chiếu sáng đoạn Km6 - Km14+632. Mặt khác, theo dự án được duyệt, thời gian thực hiện giai đoạn 1 từ 2014 - 2016; song, do công tác GPMB của dự án gặp nhiều khó khăn nên đến nay, dự án chưa hoàn thành theo quy định. Vì vậy, để đảm bảo theo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, việc điều chỉnh dự án là phù hợp và cần thiết.

III. Nội dung điều chỉnh

3.1. Bổ sung hạng mục điện chiếu sáng: Theo tiêu chuẩn TCXDVN 259:2001 tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường phố, quảng trường đô thị. Cụ thể:

- Trạm biến áp (TBA): Xây dựng 05 TBA, gồm:

+ Xây dựng 03 TBA sử dụng đường dây trung áp cáp ngầm 22kV; 02 TBA sử dụng đường dây trung áp cáp ngầm 35kV. Cáp ngầm được đặt trong ống nhựa bảo vệ HDPE D160/125, những đoạn qua đường được bảo vệ bằng ống thép mạ kẽm $\Phi 110$ và đoạn lên cột được bảo vệ bằng ống thép mạ kẽm $\Phi 130$, phần cáp đi dưới vỉa hè được luồn trong ống bảo vệ và đặt trong rãnh cáp theo tiêu chuẩn rãnh cáp 22kV và cáp 35kV.

+ Giải pháp thiết kế TBA gồm: Trụ đỡ biến áp có kết cấu BTCT, máy biến áp, hộp chụp cáp, hộp chụp mặt máy, tủ trung áp RMU 24kV và 35kV; tủ hạ áp

trộn bộ với các thiết bị đóng cắt, bảo vệ hạ áp và các thiết bị đo lường.

- Tuyến đường dây cấp điện trung thế: Xây dựng mới đường dây 24kV sử dụng cáp ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x70mm²; đường dây 35kV sử dụng cáp ngầm loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x70mm² - 35kV.

- Hệ thống chiếu sáng: Sử dụng cột chiếu sáng có độ cao 9m; cần đơn 2m vươn 1,5m, lắp đèn tiết kiệm điện 2 cấp công suất 250/150W đặt 1 bên đường; khoảng cách cột 35m/cột.

(các nội dung điều chỉnh, bổ sung có hồ sơ kèm theo)

3.2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 789.144 triệu đồng (bảy trăm tám mươi chín tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu đồng)

Trong đó:	- Chi phí xây dựng	:	489.377 triệu đồng;
	- Chi phí QLDA	:	5.162 triệu đồng;
	- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	23.721 triệu đồng;
	- Chi phí khác	:	10.821 triệu đồng;
	- Chi phí bồi thường GPMB	:	159.524 triệu đồng;
	- Chi phí dự phòng	:	100.542 triệu đồng.

(chi tiết TMDT có phụ biểu kèm theo)

3.3. Điều chỉnh thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2017.

3.4. Các nội dung khác: Thực hiện theo các quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

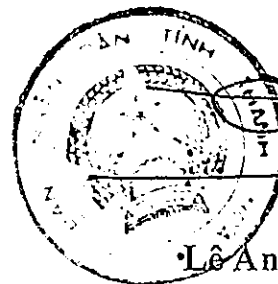
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Công thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

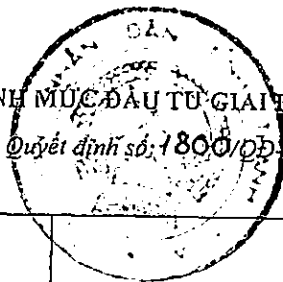
- Như Điều 3-QĐ;
- Lưu: VT, CN.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH MỨC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN I DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA TÂY THÀNH PHỐ THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: 1800/QĐ-UBND ngày 01 / 6 /2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cách tính	Mức đầu tư (Giai đoạn I) theo QĐ số 3175/QĐ- UBND ngày 26/9/2014	Giá trị sau khi điều chỉnh và bổ sung		Mức đầu tư Giai đoạn I sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch (+) Tăng (-) Giảm
				Phần cầu và đường sau khi duyet dự toán	Bổ sung điện chiếu sáng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)=(7)-(4)
	Tổng mức đầu tư		789.144	753.370	35.774	789.144	(0)
I	Chi phí xây dựng (Gxd)		460.114	459.935	29.438	489.373	29.259
1	Kinh phí xây dựng (giai đoạn I)		460.114	459.935	-	459.935	-179
2	Hạng mục xây dựng điện chiếu sáng		-	-	29.438	29.438	29.438
2.1	Chi phí xây dựng	Có dự toán chi tiết	-	-	24.447	24.447	24.447
2.2	Chi phí thiết bị	Có dự toán chi tiết	-	-	4.991	4.991	4.991
II	Chi phí quản lý dự án (Gql)	1,160% x Gxd (chiếu sáng)	4.852	4.852	310	5.162	310
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)		21.453	22.312	1.409	23.721	2.268
1	Chi phí khảo sát, lập bình đồ tuyến	Giữ nguyên theo QĐ 3175	553	553	-	553	-
2	Khảo sát, lập dự án đầu tư		5.563	5.563	74	5.637	74
2.1	Khảo sát, lập dự án đầu tư	Giữ nguyên theo QĐ 3175	5.563	5.563	-	5.563	-
2.2	KS, lập DADT điều chỉnh (hạng mục điện chiếu sáng)	Theo QĐ số 178/QĐ-SGTVT ngày 09/3/2017	-	-	74	74	74
3	Chi phí lập dự án theo các phương án phân kỳ đầu tư	Giữ nguyên theo QĐ 3175	760	760	-	760	-
4	Khảo sát, lập TKBVTC-DT		9.400	8.695	503	9.198	(202)
4.1	Khảo sát, lập TKBVTC-DT (phần đường)	Theo QĐ số 866/QĐ-SGTVT ngày 29/9/2014; QĐ số 51/QĐ-SGTVT ngày 23/01/2015	9.400	8.695	-	8.695	(705)
4.2	Khảo sát, lập TKBVTC-DT hạng mục điện chiếu sáng	Gcn*1,734%+Gbaic*2,78%+Gcs*2,322%	-	-	503	503	503
5	Thẩm tra thiết kế BVTC-DT		184	184	12	196	12
5.1	Thẩm tra thiết kế BVTC-DT (phần đường)	Giữ nguyên theo QĐ 3175	184	184	-	184	-
5.2	Thẩm tra thiết kế BVTC-DT (hạng mục điện chiếu sáng)	0,04% x Gxd (chiếu sáng)	-	-	12	12	12
6	Lập HSMT và đánh giá HSDT		78	98	29	127	49

STT	Hạng mục	Cách tính	Mức đầu tư (Gini đoạn 1) theo QĐ số 3175/QĐ- UBND ngày 26/9/2014	Giá trị sau khi điều chỉnh và bổ sung		Mức đầu tư Giai đoạn 1 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch (+) Tăng (-) Giảm
				Phần cầu và đường sau khi duyệt dự toán	Bổ sung điện chiếu sáng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)=(7)-(4)
6.1	Lập HSMT và đánh giá HSDT (phần đường)	Theo QĐ số 867/QĐ-SGTVT ngày 29/9/2014	78	98	-	98	20
6.2	Lập HSMT và đánh giá HSDT (chiếu sáng)	0,1% x Gxd (chiếu sáng)	-	-	29	29	29
7	Giám sát thi công xây dựng công trình		2.301	2.876	791	3.667	1.366
7.1	Giám sát phần đường	QĐ số 968/QĐ-SGTVT ngày 14/11/2014	2.301	2.876	-	2.876	575
7.2	Giám sát hạng mục điện chiếu sáng	$2,532\% \cdot Gcs + 3,465\% \cdot (Gcn + Gtba1c) + 1,147\% \cdot Gtb$	-	-	791	791	791
8	Giám sát, đánh giá dự án	Giữ nguyên theo QĐ 3175	970	970	-	970	-
9	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Giữ nguyên theo QĐ 3175	344	344	-	344	-
10	Lập, cắm cọc GPMB	Theo QĐ số 915/QĐ-SGTVT ngày 16/10/2014	500	491	-	491	(9)
11	Thẩm tra an toàn giao thông	Giữ nguyên theo QĐ 3175	300	300	-	300	-
12	Kiểm định chất lượng công trình	QĐ số 499/QĐ-SGTVT ngày 16/5/2016	-	979	-	979	979
13	Một số chi phí tư vấn khác.	Giữ nguyên theo QĐ 3175	500	500	-	500	-
IV	Chi phí khác		4.515	9.456	1.365	10.821	6.306
1	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	$0,182\% \times TMĐT$ (giai đoạn 1)	160	719	-	719	559
2	Kiểm toán công trình	$0,261\% \times TMĐT$ (giai đoạn 1)	480	2.062	-	2.062	1.582
3	Bán hiểm công trình		2.217	2.760	77	2.837	620
3.1	Phần đường + cầu	Theo QĐ số 342/QĐ-SGTVT ngày 27/4/2015	2.217	2.760	-	2.760	543
3.2	Hạng mục điện chiếu sáng	0,26% x Gxd	-	-	77	77	77
4	Thẩm định KQĐT		46	46	15	61	15
4.1	Thẩm định KQĐT phần đường	Giữ nguyên theo QĐ 3175	46	46	-	46	-
4.2	Thẩm định KQĐT chiếu sáng	0,05% x Gxd (chiếu sáng)	-	-	15	15	15
5	Thẩm định DADT		112	112	6	118	6
5.1	Thẩm định DADT phần đường	Giữ nguyên theo QĐ 3175	112	112	-	112	-
5.2	Thẩm định DADT điều chỉnh (hạng mục chiếu sáng)	$0,016096\% \times \text{Mức đầu tư (chiếu sáng)}$	-	-	6	6	6
6	Rà phá bom mìn	Theo QĐ số 1134/QĐ-SGTVT ngày 12/12/2014	1.500	3.758	-	3.758	2.258
7	Chi phí nghiệm thu đóng điện	$Gcn \cdot 0,54\% + (Gtba1c) \cdot 4,05\%$	-	-	90	90	90
8	Chi phí hạng mục chung thi công điện chiếu sáng		-	-	1.178	1.178	1.178

STT	Hạng mục	Cách tính	Mức đầu tư (Giai đoạn 1) theo QĐ số 3175/QĐ- UBND ngày 26/9/2014	Giá trị sau khi điều chỉnh và bổ sung		Mức đầu tư Giai đoạn 1 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch (+) Tăng (-) Giảm
				Phân cầu và đường sau khi duyet dự toán	Bổ sung điện chiếu sáng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (5)+(6)	(8)=(7)-(4)
8.1	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	0,02 x Gxd (chiếu sáng)	-	-	589	589	589
8.2	Chi phí phục vụ trực tiếp khác	0,02 x Gxd (chiếu sáng)	-	-	589	589	589
V	Chi phí bồi thường GPMB	Giữ nguyên theo QĐ 3175	159.524	159.524	-	159.524	-
VI	Chi phí dự phòng		138.686	97.290	3.252	100.542	(38.144)
1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh (10%)	10%	65.046	65.608	3.252	68.860	3.814
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá		73.640	31.682	-	31.682	(41.958)